

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29/5/2019

“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** ông Lại Hùng Hưng;

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Đinh Văn Lộc;

2. Ông Phạm Văn Miên;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa:*** ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/4/2019 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Mai Thị M, sinh năm: 1983; Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt);

- ***Bị đơn:*** Anh Ngô Văn H, sinh năm 1984; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ dân phố 4, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ của gia đình ông Trường G, đường Võ Thị S, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 23/01/2019, trong quá trình tham gia tố tụng tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Mai Thị M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Văn H tự nguyện kết hôn ngày 20/03/2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ. Cuộc sống vợ chồng chỉ hòa thuận, hạnh phúc thời gian ngắn sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H sống thiếu trách nhiệm, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm và đã sống ly thân nhau từ tháng 01/2019 cho đến nay, anh H đã thuê nhà ra ở riêng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ

chồng đã thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: chị và anh H có 02 con chung tên: Ngô Đức H (nam), sinh ngày 16/9/2010 và Ngô Mai Quỳnh T (Nữ), sinh ngày 26/7/2015. Các cháu hiện đang sống cùng với chị. Chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ để tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Do đó, hồ sơ không có lời khai, ý kiến của anh H.

* Tại biên bản ghi ý kiến ngày 04/3/2019, cháu Ngô Đức Hòa, sinh ngày 16/9/2010 (con chung trên 7 tuổi) thể hiện nguyện vọng được sinh sống cùng chị M.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: xử cho chị Mai Thị M được ly hôn với anh Ngô Văn H. Giao cháu Ngô Đức H và cháu Ngô Mai Quỳnh T cho chị M nuôi dưỡng. Buộc chị M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Mai Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Ngô Văn H và giải quyết nuôi con. Chị M là người có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của chị M thuộc trường H theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[3] Chị Mai Thị M và anh Ngô Văn H tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 20/03/2007 tại thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Hôn nhân giữa chị M và anh H là H pháp. Chị M cho rằng, vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã sống ly thân nhau nên yêu cầu ly hôn với anh H. Anh Ngô Văn H đã được Tòa án triệu tập H lệ để tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt. Điều đó cho thấy, anh H không quan tâm đến quan hệ hôn nhân và con cái. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị M là có căn cứ nên căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị M được ly hôn với anh H.

[4] Chị M và anh H có 02 con chung gồm: Ngô Đức H, sinh ngày 16/9/2010 và Ngô Mai Quỳnh T, sinh ngày 26/7/2015. Cả 02 con hiện đang sống cùng với chị M. Chị M yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Cháu H có nguyện vọng được sinh sống cùng chị M. Bản thân anh H không quan tâm đến con cái, không có ý kiến gì về nuôi con. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83,

84 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần giao cháu Hòa, cháu T cho chị M nuôi dưỡng. Vì chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên không buộc anh H cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: căn cứ Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: buộc chị M chịu 300.000 đồng án phí để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị M.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Mai Thị M và anh Ngô Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Ngô Đức H, sinh ngày 16/9/2010 và Ngô Mai Quỳnh T, sinh ngày 26/7/2015 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Chị M và anh H đều có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Anh H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: buộc chị M chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung vào quỹ Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí chị M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003053 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Các vấn đề khác:

Trường H Bản án, Quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 29/5/2019), của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày Bản án được niêm yết H lệ.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- Các đương sự;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND thị trấn C;
- CC THADS ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lại Hùng Hưng